

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2020.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Thanh Tâm.

2. Bà Phạm Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2019 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Minh N, sinh năm: 1971

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Phố Đ, tổ 03, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm: 1969

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Phố Đ, tổ 03, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2019, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Cao Thị Minh N trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Quang T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 02/10/1998 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn đến năm 2005 thì về sinh sống tại thành phố T, lúc đó chưa có nhà nên vợ chồng phải thuê nhà để sinh sống. Đến năm 2010, chị và anh T mua nhà tại địa chỉ nơi vợ chồng đang cư trú và sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống, chị và anh T thường xảy ra cãi vã, hay xô xát, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế. Gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang T.

Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Cao Kỳ A, sinh ngày 01/01/2000, hiện nay con đang là sinh viên đại học tại thành phố Hà Nội, con đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị N và anh T đang cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Cao Thị Minh N và anh Nguyễn Quang T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 1998. Đến năm 2010, thì vợ chồng chuyển về số phố Đ, tổ 03, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay. Quá trình sinh sống tại địa phương giữa chị N và anh T đã nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Địa phương cũng đã khuyên nhủ để chị N và anh T hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Việc chị N và anh T đoàn tụ hay ly hôn là do anh chị quyết định nhưng theo địa phương biết chị N và anh T

đã ly thân nhau mấy năm nay nên khó có khả năng đoàn tụ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Cao Kỳ A, sinh ngày 01/01/2000, hiện nay con đang là sinh viên đại học tại Hà Nội. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị N và anh T có tài sản chung hay không thì địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Minh N được ly hôn anh Nguyễn Quang T.

+ Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Quang T không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn là chị Cao Thị Minh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Cao Thị Minh N và anh Nguyễn Quang T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp

pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xô xát, cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân với thời gian kéo dài, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T không có mặt tại phiên hòa giải thể hiện việc anh không có thiện chí để đoàn tụ với chị N. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Cao Thị Minh N được ly hôn anh Nguyễn Quang T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Cao Kỳ A, sinh ngày 01/01/2000, hiện nay đang là sinh viên đại học tại thành phố Hà Nội, con đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do anh T chưa có lời khai về tài sản, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị Minh N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Minh N được ly hôn anh Nguyễn Quang T.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Minh N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu

tạm ứng án phí số 0009672 ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nơi ĐKKH);
- UBND phường K, TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái